

Số: 1636 /TDN-VP

Quảng Ninh, ngày 11 tháng 6 năm 2018.

CÔNG BỐ THÔNG TIN (Thời hạn 24 giờ)

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC CÔNG BỐ THÔNG TIN:

1. **Tên Công ty niêm yết:** *CÔNG TY CỔ PHẦN THAN ĐÈO NAI – VINACOMIN.*
2. **Mã Chứng khoán:** TDN
3. **Nơi giao dịch:** HNX
4. **Địa chỉ trụ sở chính:** *Phường Cẩm Tây, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh*
5. **Điện thoại:** (84.0203) 3864 251 **Fax:** (84.0203) 3863 942
6. Website: *www.deonai.com.vn*
7. **Người thực hiện CBTT:** Ông Nguyễn Quang Tùng

II. NỘI DUNG THÔNG TIN CÔNG BỐ:

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 17 tháng 4 năm 2018 đã nhất trí thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán VACO, trụ sở chính: Tầng 12A, Tòa nhà Tổng Công ty 319, số 63 Đường Lê Văn Lương, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin.

Ngày 11 tháng 6 năm 2018 Công ty cổ phần Than Đèo Nai – Vinacomin đã ký hợp đồng Công ty TNHH Kiểm toán VACO thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty (Có Hợp đồng kèm theo).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. (Địa chỉ Website đăng tải thông tin: www.deonai.com.vn - Mục Quan hệ cổ đông)./

Nơi nhận:

- UBCKNN, SGDCKHN (Báo cáo);
- Các cổ đông, đăng Website Công ty;
- Lưu VT, HĐQT, BKS, KTT, VP.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Quang Tùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 14 tháng 6 năm 2018

HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN

Số: 06.3.1/HD-TĐN

**Kiểm toán báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018
của Công ty Cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin**

Căn cứ Bộ Luật Dân sự của nước CHXHCN Việt Nam được thông qua ngày 24/11/2015;
Căn cứ Luật Thương mại của nước CHXHCN Việt Nam được thông qua ngày 14/6/2005;
Căn cứ vào Luật kiểm toán độc lập của nước CHXHCN Việt Nam được thông qua ngày 29/3/2011;
Căn cứ Nghị định 17/2012/NĐ - CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;
Căn cứ vào Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán;
Căn cứ vào Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 2410 về Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện;
Căn cứ Quyết định số 1292/QĐ-TĐN ngày 15/5/2017 V/v ban hành Quy chế lựa chọn nhà cung cấp- Công ty cổ phần Than Đèo Nai- Vinacomin; Quyết định số 377/QĐ-TĐN ngày 01/02/2018 V/v Sửa đổi bổ sung một số điều Quy chế lựa chọn nhà cung cấp- Công ty cổ phần Than Đèo Nai- Vinacomin;
Căn cứ Quyết định số 770/QĐ-TĐN ngày 20/3/2018 V/v Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp Phần việc: Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018;
Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữ Công ty CP Than Đèo Nai – Vinacomin và Công ty TNHH kiểm toán VACO ngày 25/1/2018;

Chúng tôi, đại diện ký hợp đồng gồm có ("các Bên"):

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN THAN ĐÈO NAI - VINACOMIN

Đại diện là : Ông PHẠM DUY THANH
Chức vụ : Giám đốc
Điện thoại : 0203 3863981
Fax : 0203 3863942
Số tài khoản : 112000010631 tại Ngân hàng TMCP công thương Cẩm Phả
Địa chỉ : Phường Cẩm Tây, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
Mã số thuế : 5700101299

BÊN B: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Đại diện là : Ông Nguyễn Đức Tiến
Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc
(Theo Giấy ủy quyền số 207/VACO-UQ ngày 01/07/2016 của Tổng Giám đốc Công ty TNHH Kiểm toán VACO)
Điện thoại : 84 - 4 - 3 577 0781
Fax : 84 - 4 - 3 577 0787
Địa chỉ : Tầng 12A, Tòa nhà Tổng công ty 319, số 63 Đường Lê Văn Lương, P.Trung Hòa, Q.Cầu Giấy, TP.Hà Nội
Tài khoản : 0011002835898
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch
Mã số thuế : 0102546856

Điều 1:**Nội dung dịch vụ**

Bên B đồng ý cung cấp cho bên A các dịch vụ sau:

1. Dịch vụ soát xét báo cáo tài chính của bên A cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Dịch vụ soát xét của bên B được thực hiện với mục tiêu đưa ra kết luận về báo cáo tài chính của bên A.

2. Dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính của Bên A cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Dịch vụ kiểm toán của bên B được thực hiện với mục tiêu đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính của bên A

3. Kiểm tra, soát xét và xác nhận số liệu trong các biểu báo cáo phục vụ việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ năm 2018 và báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018 của Tập đoàn Than và Khoáng sản Việt Nam ("Tập đoàn"), bao gồm nhưng không giới hạn các báo cáo sau:

- Báo cáo doanh thu nội bộ Tập đoàn các lĩnh vực: Than, vật liệu nổ, khoáng sản, alumin, xây dựng cơ bản, cơ khí, dịch vụ, khác;
- Báo cáo doanh thu ngoài Tập đoàn các lĩnh vực: Than, vật liệu nổ, khoáng sản, alumin, xây dựng cơ bản, cơ khí, dịch vụ, khác;
- Bảng kê vật tư, hàng hoá mua bán trong nội bộ Tập đoàn;
- Báo cáo chi tiết tài sản mua trực tiếp các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn để hình thành TSCĐ tại đơn vị năm báo cáo;
- Báo cáo chi tiết tài sản mua trực tiếp các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn để hình thành TSCĐ tại đơn vị năm trước;
- Báo cáo chi tiết vốn điều lệ, vốn thực góp các công ty cổ phần hoặc công ty liên kết,...;
- Kiểm toán quyết toán chi thường xuyên quỹ môi trường than - khoáng sản và quỹ thăm dò than - khoáng sản;
- Báo cáo các khoản phải thu phải trả (phân loại ngắn và dài hạn) trong nội bộ Tập đoàn;
- Bảng kê góp vốn của chủ sở hữu vào công ty (đối với đơn vị là công ty cổ phần);
- Bảng kê vốn đầu tư của doanh nghiệp vào các công ty liên doanh, liên kết (nếu có).

4. Xác nhận số liệu báo cáo của hệ thống báo cáo quản trị Tập đoàn (mẫu báo cáo ban hành theo Quyết định số 56/QĐ-TKV ngày 16/01/2017).

Điều 2:**Trách nhiệm của các bên***Trách nhiệm của bên A:*

Ban Giám đốc Bên A có trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán của bên B sẽ được thực hiện trên cơ sở Ban Giám đốc của bên A hiểu và thừa nhận có trách nhiệm (i) Đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng; (ii) Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn; (iii) Đảm bảo cung cấp kịp thời cho bên B: Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà Ban Giám đốc nhận thấy là có liên quan đến quá trình lập và trình bày báo cáo tài chính như chứng từ kế toán, sổ kế toán, tài liệu và các vấn đề khác; Các thông tin bổ sung mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán yêu cầu Ban Giám đốc cung cấp hoặc giải trình để phục vụ cho mục đích của cuộc kiểm toán; Quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự của Bên A mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng kiểm toán. Bố trí nhân sự liên quan cùng làm việc với Bên B trong quá trình kiểm toán.

Ngoài ra Ban Giám đốc Bên A có trách nhiệm thiết lập và thực hiện các chương trình và các thủ tục kiểm soát nhằm ngăn chặn và phát hiện các gian lận và có trách nhiệm thông báo cho Bên B về những gian lận, đã được phát hiện hoặc đang nghi ngờ, có ảnh hưởng đến Bên A liên quan đến (1) Ban Giám đốc, (2) những nhân viên có vai trò quan trọng trong hệ thống kiểm soát nội bộ, và (3) các trường hợp khác có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Bên A cũng có trách nhiệm thông báo cho Bên B nguyên nhân của các gian lận đã được phát hiện hoặc đang nghi ngờ có ảnh hưởng đến Bên A mà Ban Giám đốc biết được qua trao đổi với nhân viên đang công tác, các nhân viên đã nghỉ việc, các nhà phân tích, các cơ quan Nhà nước hoặc những cá nhân khác.

Ban Giám đốc có trách nhiệm cung cấp và xác nhận bằng văn bản về các giải trình đã cung cấp trong quá trình kiểm toán vào "Thư giải trình của Ban Giám đốc, một trong những yêu cầu của chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, trong đó nêu rõ trách nhiệm của Ban Giám đốc bên A trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính và khẳng định rằng ảnh hưởng của từng sai sót, cũng như tổng hợp các sai sót không được điều chỉnh do bên B phát hiện và tổng hợp trong quá trình kiểm toán cho kỳ hiện tại và các sai sót liên quan đến các kỳ trước là không trọng yếu đối với tổng thể báo cáo tài chính.

Bên B cũng sẽ yêu cầu Ban Giám đốc Bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho Bên B trong quá trình Kiểm toán. Theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam, việc đáp ứng các yêu cầu này và thư giải trình của Ban Giám đốc Bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để Bên B đưa ra ý kiến của mình về Báo cáo tài chính của Bên A. Vì tầm quan trọng của thư giải trình của Ban Giám đốc, Bên A đồng ý miễn trừ và bảo đảm cho Bên B và các nhân viên của họ khỏi các trách nhiệm pháp lý và các chi phí có liên quan đến dịch vụ quy định tại hợp đồng này phát sinh do việc giải trình sai của Ban Giám đốc Bên A.

Tạo điều kiện thuận tiện cho các nhân viên của bên B trong quá trình làm việc tại Văn phòng của bên A.

Thanh toán đầy đủ phí dịch vụ kiểm toán và các phí khác (nếu có) cho bên B theo quy định tại Điều 5 của hợp đồng này.

Trách nhiệm của bên B:

Bên B thực hiện công việc kiểm toán, soát xét theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu. Theo đó bên B không được quyền tiết lộ cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được các cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được bên A công bố.

Bên B có trách nhiệm yêu cầu bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho bên B trong quá trình thực hiện kiểm toán và soát xét. Theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam, việc đáp ứng các yêu cầu này và thư giải trình của Ban Giám đốc và Ban quản trị bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để bên B đưa ra kết luận của kiểm toán viên về báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ và ý kiến của kiểm toán viên về báo cáo tài chính của bên A.

Việc đưa ra kết luận của kiểm toán viên và ý kiến kiểm toán cũng như việc trình bày kết luận và ý kiến bằng văn bản của Bên B tất nhiên sẽ phụ thuộc vào tình hình thực tế tại ngày Bên B lập báo cáo. Nếu vì bất kỳ lý do nào mà Bên B không thể hoàn thành cuộc soát xét và kiểm toán hoặc không thể đưa ra kết luận và ý kiến kiểm toán thì Bên B sẽ thông báo cho Ban Giám đốc Bên A.

Bên B có trách nhiệm thông báo cho bên A về nội dung và kế hoạch soát xét và kiểm toán, cử kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện kiểm toán.

Đối với công việc kiểm toán:

Bên B sẽ thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, pháp luật và các quy định có liên quan. Các chuẩn mực kiểm toán này quy định bên B phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính, xét trên phương diện tổng thể, có còn sai sót trọng yếu hay không. Trong cuộc kiểm toán, bên B sẽ thực hiện các thủ tục để thu thập bằng chứng kiểm toán về số liệu và thông tin trình bày trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được thực hiện tùy thuộc vào đánh giá của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc do nhầm lẫn. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán đã được sử dụng và các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính.

Do bản chất và những hạn chế vốn có của kiểm toán cũng như của hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ, có những rủi ro khó tránh khỏi, ngoài khả năng của kiểm toán viên và công ty kiểm toán trong việc phát hiện hết sai sót.

Để đánh giá rủi ro, bên B sẽ xem xét kiểm soát nội bộ mà bên A sử dụng trong quá trình lập báo cáo tài chính để thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp trong từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của bên A. Tuy nhiên, bên B sẽ thông báo tới bên A bằng văn bản về bất kỳ khiếm khuyết nào trong kiểm soát nội bộ mà bên B phát hiện được trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính.

Do những hạn chế vốn có của kiểm toán cũng như của kiểm soát nội bộ, có rủi ro khó tránh khỏi là kiểm toán viên có thể không phát hiện được các sai sót trọng yếu, mặc dù cuộc kiểm toán đã được lập kế hoạch và thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

Đối với công việc soát xét

Bên B sẽ thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện với mục đích tạo cơ sở để Bên B báo cáo xem liệu Bên B có nhận thấy vấn đề gì khiến Bên B cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đã không được lập và trình bày, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với *chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý* có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hay không.

Công việc soát xét của Bên B bao gồm các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là đối với những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính, kế toán, và áp dụng các thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác và thông thường không bao gồm việc chứng thực các thông tin thu thập được. Phạm vi công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ về cơ bản hẹp hơn phạm vi của một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam nhằm đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính. Do đó, Bên B không đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính giữa niên độ được soát xét.

Dịch vụ soát xét thông tin tài chính giữa niên độ không nhằm cung cấp sự đảm bảo rằng Bên B sẽ có thể nhận biết được toàn bộ các vấn đề trọng yếu chỉ có thể xác định được bằng một cuộc kiểm toán. Ngoài ra, công việc soát xét của bên B không thể được xem là căn cứ nhằm phát hiện các gian lận, nhầm lẫn hay các hành vi vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, Bên B sẽ thông báo cho Bên A về bất kỳ vấn đề trọng yếu nào mà Bên B phát hiện được.

Điều 3:

Báo cáo soát xét, kiểm toán; thư quản lý và thư xác nhận

- (i) Sau khi kết thúc công việc soát xét, Bên B sẽ phát hành mười ba (13) bộ báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bằng tiếng Việt về của kiểm toán viên về báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 của Bên A. Bên A giữ mười hai (12) bộ, bên B giữ một (01) bộ.

Báo cáo soát xét sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, pháp luật và quy định có liên quan.

- (ii) Sau khi kết thúc công việc kiểm toán, Bên B sẽ phát hành mười hai ba (13) bộ báo cáo kiểm toán bằng tiếng Việt về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Bên A. Bên A giữ mười hai (12) bộ, bên B giữ một (01) bộ.

Báo cáo soát xét và kiểm toán sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Luật Kiểm toán độc lập, Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 2410 và số 700, các chuẩn mực kiểm toán và quy định pháp lý khác có liên quan.

- (iii) Thư quản lý được phát hành thành bảy (07) bộ bằng tiếng Việt cho mỗi báo cáo soát xét và báo cáo kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018. Bên A giữ sáu (06) bộ, bên B giữ một (01) bộ.

- (iv) Thư xác nhận số liệu báo cáo của hệ thống báo cáo quản trị Tập đoàn (mẫu báo cáo ban hành theo Quyết định số 56/QĐ-TKV ngày 16/01/2017).

Điều 4: Kế hoạch thực hiện kiểm toán

Bên B dự tính sẽ lập kế hoạch thực hiện soát xét và kiểm toán như sau:

	Thời gian dự kiến bắt đầu thực hiện	Thời gian dự kiến kết thúc
Kế hoạch thực hiện soát xét		
Lập kế hoạch soát xét	06/2018	06/2018
Thực hiện các thủ tục soát xét	07/2018	07/2018
Lập báo cáo:		
Dự thảo báo cáo của kiểm toán viên		Tháng 7/2018
Phát hành báo cáo của kiểm toán viên		Không muộn hơn 10/08/2019
Thư quản lý		Ngay sau khi thống nhất hai bên
Kế hoạch thực hiện kiểm toán cuối năm		
Cập nhật kế hoạch kiểm toán	12/2018	12/2018
Tham gia chứng kiến kiểm kê ở thời điểm 31/12/2018	31/12/2018	31/12/2018
Thực hiện các thủ tục kiểm toán cuối năm	01/2019	01/2019
Lập báo cáo:		
Dự thảo báo cáo của kiểm toán viên		Tháng 1/2019
Phát hành báo cáo của kiểm toán viên		Không muộn hơn 20/02/2019
Thư quản lý		Ngay sau khi thống nhất hai bên

Trường hợp có những phát sinh ngoài dự kiến, hai bên sẽ cùng bàn bạc trao đổi để có thể phát hành báo cáo càng sớm càng tốt hoặc điều chỉnh thời gian phát hành báo cáo cho phù hợp.

Điều 5: Phí dịch vụ và phương thức thanh toán

Tổng mức phí đã bao gồm thuế GTGT cho dịch vụ nêu tại Điều 1 là 99.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín mươi chín triệu đồng chẵn).

Mức phí trên được tính dựa trên các giả định sau: (1) Bên A cung cấp kịp thời và đầy đủ các tài liệu theo yêu cầu của Bên B, (2) không có bất kỳ sự chậm trễ nào trong suốt quá trình Kiểm toán hoặc thay đổi phạm vi Kiểm toán bởi những sự kiện ngoài tầm kiểm soát của Bên B, (3) hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động hiệu quả trong suốt giai đoạn được Kiểm toán, (4) chỉ phát sinh những điều chỉnh không đáng kể trong quá trình Kiểm toán (được điều chỉnh hoặc không điều chỉnh), (5) kế hoạch thời gian và khối lượng công việc của Bên B đã được ước tính hợp lý, và (6) Bên A chỉ trả kịp thời các hóa đơn mà Bên B đã phát hành. Bên B sẽ thông báo kịp thời bất kỳ một trường hợp nào có ảnh hưởng nghiêm trọng tới các ước tính này và sẽ thỏa thuận với Ban Giám đốc Bên A bất kỳ một khoản phí phát sinh thêm nào, nếu có.

Phí kiểm toán sẽ bị ảnh hưởng và điều chỉnh bởi các vấn đề sau đây:

- (a) Những thay đổi trong kế hoạch kiểm toán theo yêu cầu của Bên A. Việc thay đổi kế hoạch thực hiện cuộc kiểm toán thường dẫn đến thay đổi trong nhân sự thực hiện

cuộc kiểm toán của Bên B. Tuy nhiên, do việc phân công nhân viên khác thực hiện cuộc kiểm toán thực tế không dễ dàng, việc thay đổi này có thể dẫn tới việc phát sinh một số chi phí phụ khá lớn.

- (b) Toàn bộ các tài liệu Kiểm toán (i) không được Bên A cung cấp kịp thời theo yêu cầu của Bên B (ii) không được Bên A cung cấp theo các mẫu biểu mà Bên B chấp nhận (iii) không chính xác về mặt số liệu, hoặc (iv) không phù hợp với các ghi chép kế toán của Bên A (ví dụ như sổ kế toán tổng hợp). Bên B sẽ gửi đến Bên A danh sách các tài liệu cần có để thực hiện cuộc Kiểm toán, các thông tin cần thiết và thời gian các tài liệu đó cần được cung cấp cho Bên B.
- (c) Trì hoãn việc phúc đáp các yêu cầu cung cấp thông tin của Bên B ví dụ như đối chiếu các số chênh lệch hoặc cung cấp chứng từ cần thiết (ví dụ như hoá đơn, hợp đồng và các chứng từ khác).

Điều khoản thanh toán

Bên B sẽ phát hành đề nghị thanh toán như sau:

Ngày phát hành đề nghị thanh toán

Sau khi phát hành báo cáo soát xét	40%
Tại ngày phát hành báo cáo kiểm toán	60%
Tổng cộng	100%

Hóa đơn của Bên B sẽ được phát hành lần thanh toán cuối cùng, hóa đơn và giấy đề nghị thanh toán sẽ được thanh toán trong vòng 20 ngày kể từ ngày phát hành.

Phí dịch vụ sẽ được thanh toán bằng chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của Bên B bằng Đồng Việt Nam Bên B sẽ tính lãi trả chậm ở mức cao nhất mà luật pháp cho phép nếu Bên A không thanh toán đúng theo các điều khoản về thanh toán trong vòng 20 ngày kể từ ngày bên B phát hành chứng từ yêu cầu thanh toán.

Kết thúc hợp đồng trước thời hạn

Nếu Bên A hủy hợp đồng này với bất kỳ lý do gì trước khi Bên B cung cấp báo cáo soát xét và kiểm toán, Bên B sẽ phát hành hóa đơn yêu cầu Bên A thanh toán cho khoảng thời gian thực tế phát sinh do thực hiện hợp đồng cho đến ngày hợp đồng bị hủy.

Điều 6: Các dịch vụ khác

Các dịch vụ khác cung cấp ngoài các dịch vụ được nêu tại Điều 1 sẽ được tính riêng. Trong trường hợp Bên A cần Bên B cung cấp dịch vụ khác liên quan đến dịch vụ Kiểm toán, nội dung các dịch vụ này sẽ được trình bày thêm trong một phụ lục hợp đồng. Các dịch vụ không liên quan đến dịch vụ Kiểm toán sẽ được trình bày trong một hợp đồng riêng.

Điều 7: Các vấn đề về tính độc lập

Liên quan đến cuộc kiểm toán, Ban Giám đốc của Bên A và Bên B có vai trò và trách nhiệm trong việc bảo đảm tính độc lập của Bên B. Vì thế, Ban Giám đốc Bên A sẽ đảm bảo rằng Bên A có áp dụng các chính sách và các thủ tục nhằm mục đích đảm bảo Bên A sẽ không ký hợp đồng hay chấp thuận bất cứ dịch vụ nào khác từ Bên B mà theo các quy định hiện hành có thể gây ảnh hưởng đến tính độc lập của Bên B. Tất cả các dịch vụ mà Bên A có thể yêu cầu này cần được thảo luận trước với Bên B.

Ban Giám đốc Bên A sẽ phối hợp với Bên B nhằm đảm bảo rằng tính độc lập của Bên B không bị ảnh hưởng do Bên A tuyển dụng các Giám đốc, nhân viên nghiệp vụ cũ hoặc hiện tại của Bên B vào các vị trí chủ chốt của Bên A mà có khả năng dẫn đến việc vi phạm các quy định hiện hành về tính độc lập. Việc Bên A tuyển dụng các nhân viên cũ hoặc hiện tại

của Bên B cần được thảo luận với Bên B trước khi Bên A tiến hành phỏng vấn tuyển dụng các nhân viên đó.

Nhằm tuân thủ các chuẩn mực và quy định của Việt Nam về tính độc lập, Bên A đồng ý cung cấp cho Bên B các thông tin bao gồm : (1) mô tả về cơ cấu của công ty trong đó xác định rõ tên gọi pháp lý của các công ty thành viên (ví dụ các công ty mẹ, các công ty con, các nhà đầu tư, các đơn vị nhận đầu tư), cùng với mô tả về mối quan hệ sở hữu giữa các đơn vị này, và (2) cổ phiếu và trái phiếu của công ty và các công ty thành viên hiện đang chào bán cho các nhà đầu tư riêng lẻ (thông qua thị trường chứng khoán, hoặc các thị trường tương tự khác, hoặc thông qua chào bán cổ phiếu, trái phiếu và các loại chứng khoán khác), cùng với các thông tin mô tả các loại chứng khoán liên quan (ví dụ ký hiệu loại chứng khoán).

Điều 8: Giới hạn và trách nhiệm bồi thường

Bên A đồng ý rằng mọi trách nhiệm của Bên B, thành viên ban giám đốc, nhân viên hay các đơn vị liên quan của Bên B đối với bất kỳ khoản lỗ, tổn thất, chi phí hay thiệt hại nào mà Bên A phải gánh chịu phát sinh liên quan đến hợp đồng, các dịch vụ hoặc công việc cho mục đích thực hiện hợp đồng, do bất kỳ nguyên nhân nào gây ra (bao gồm sự bất cẩn của Bên B nhưng không bao gồm những hành vi cố ý của Bên B), nếu được tòa án chứng thực, sẽ chỉ giới hạn trong khoản phí và Bên B nhận được tương xứng với phần dịch vụ hay sản phẩm công việc làm phát sinh trách nhiệm này.

Bên A đồng ý bảo đảm và bảo vệ Bên B, thành viên ban giám đốc, nhân viên và các đơn vị liên quan của Bên B khỏi, và đối với, bất kỳ và toàn bộ các chi phí, tổn thất, khiếu nại, yêu sách, kiện tụng, kiện cáo hay chi phí kiện tụng đã trả, đã phát sinh, hay đã chấp nhận (tùy thuộc từng tình huống cụ thể), do một bên thứ ba khởi kiện Bên B do hoặc liên quan đến hợp đồng này, hoặc do việc sử dụng báo cáo kiểm toán do bất kỳ nguyên nhân nào gây ra (trừ trường hợp do hành vi gian lận hay hành vi sai trái cố ý của Bên B).

Bên A đồng ý rằng Bên B sẽ không phải chịu trách nhiệm đối với Bên A về các tổn thất, chi phí, thiệt hại nếu các thông tin mang tính trọng yếu đối với các dịch vụ được thực hiện trong hợp đồng này bị bên thứ ba cung cấp thiếu, từ chối cung cấp, che giấu, cung cấp thông tin không đúng, không chính xác hoặc giải trình sai đối với Bên B.

Điều 9: Những thuật ngữ chung

Nhà thầu độc lập. Bên B được hiểu thống nhất là một nhà thầu độc lập. Bên B không được coi và sẽ không được coi là một đại lý, một hội viên, một người uỷ thác hay đại diện của Bên A hoặc các cấp tương đương trong bộ máy quản lý của Bên A.

Sở hữu hồ sơ kiểm toán. Hồ sơ kiểm toán được lập trong quá trình Bên B thực hiện công việc là tài sản của Bên B. Hồ sơ này là các thông tin mật và thuộc quyền sở hữu của Bên B và được Bên B lưu trữ theo quy định và thủ tục của Bên B theo từng thời kỳ.

Sử dụng internet. Các Bên xác nhận rằng:

- (a) Các bên có thể liên lạc hoặc trao đổi tài liệu qua thư điện tử và/hoặc qua internet trừ phi một trong hai Bên có các yêu cầu khác; và
- (b) Các Bên chấp nhận các rủi ro tiềm tàng bao gồm rủi ro liên lạc bị ngăn chặn hoặc bị xâm nhập bất hợp pháp, bị sửa đổi làm sai lệch nội dung và bị vi-rút hoặc các thiết bị nguy hiểm khác tấn công. Do đó, các Bên sẽ kiểm tra vi-rút tất cả các thông tin liên lạc nhận hoặc gửi đi giữa hai Bên.

Giải trình và đảm bảo. Mỗi Bên giải trình và cam kết bảo đảm thực hiện với Bên kia các vấn đề sau:

- (a) Mỗi Bên là một đơn vị tồn tại thực sự và được thành lập hợp pháp, có đủ quyền hạn để thực hiện công việc kinh doanh như hiện tại, ký kết và thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này, và tuân thủ toàn bộ các yêu cầu do luật pháp quy định cũng như các yêu cầu khác liên quan đến công việc kinh doanh của mình; và
- (b) Mỗi Bên có đầy đủ quyền lợi, quyền hạn và năng lực pháp lý để ký kết và ràng buộc vào Hợp Đồng này

Cam kết và trường hợp bất khả kháng. Hai bên cam kết thực hiện tất cả các điều khoản nêu trên. Trong trường hợp gặp khó khăn trong quá trình thực hiện hợp đồng, cả hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau để trao đổi, tìm giải pháp thích hợp. Không một Bên nào bị xem là vi phạm trách nhiệm theo hợp đồng đã ký kết hay phát sinh nghĩa vụ với Bên kia nếu một Bên không thể thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng do hậu quả của các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát hợp lý của mình. Trong trường hợp có một Bên bị ảnh hưởng bởi các sự kiện này, Bên đó phải có nghĩa vụ thông báo cho Bên kia trong thời gian sớm nhất có thể thực hiện được một cách hợp lý nhằm giúp Bên được thông báo có thể lựa chọn hoặc đình chỉ hoặc hủy bỏ Hợp Đồng bằng cách ra thông báo với hiệu lực ngay lập tức.

Giải quyết tranh chấp. Bất kỳ tranh chấp hoặc khiếu kiện phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng sẽ được giải quyết trước tiên thông qua trao đổi trực tiếp. Nếu các bên không giải quyết được bằng thương thảo thì một trong các bên bị vi phạm có quyền khởi kiện tại tòa án nhân dân có thẩm quyền.

Chuyển giao trách nhiệm: Ngoại trừ những điều dưới đây, không một Bên nào được phân công, chuyển giao hoặc ủy quyền quyền lợi và nghĩa vụ của mình liên quan đến hợp đồng này (bao gồm nhưng không giới hạn, quyền lợi hoặc những khiếu kiện liên quan đến hợp đồng này) mà không được sự đồng ý chính thức bằng văn bản của các bên còn lại. Bên B có thể chuyển giao hoặc ký hợp đồng phụ chuyển giao quyền và nghĩa vụ của mình liên quan đến hợp đồng này tới bất cứ một Chi nhánh nào của mình tại Việt Nam hoặc nước ngoài.

Cung cấp thông tin. Bên A đồng ý cho phép Bên B cung cấp một số thông tin nhất định liên quan đến các dịch vụ để cập trong hợp đồng này cho mục đích thảo luận chào hàng hoặc soạn thảo các tài liệu quảng cáo nói chung, với điều kiện là:

- (a) Khi soạn thảo thư chào hàng, Bên B chỉ được phép cung cấp tên của Bên A và diễn giải văn tắt mô tả nội dung công việc, và
- (b) Khi soạn thảo các tài liệu quảng cáo chung, Bên B phải được sự đồng ý cụ thể của Bên A trước khi phát hành các tài liệu này.

Điều 10: Hiệu lực, ngôn ngữ và thời hạn của Hợp đồng

Hợp đồng này là toàn bộ những thỏa thuận giữa Bên A và Bên B và thay thế cho tất cả các thỏa thuận hiện tại và trước đây bằng văn bản hay không bằng văn bản liên quan đến hợp đồng này của hai Bên.

Hợp đồng này thiết lập sự thỏa thuận tổng thể và sự hiểu biết giữa các Bên về các nội dung trong hợp đồng. Mọi thay đổi trong nội dung của Hợp đồng này phải được lập bằng văn bản và chỉ có hiệu lực sau khi được ký bởi đại diện của hai Bên.

Mỗi điều khoản trong Hợp đồng này cấu thành từng điều khoản riêng biệt và độc lập. Nếu bất kỳ điều khoản nào trong Hợp đồng này bị xem là không có hiệu lực hoặc không thể thi hành được theo phán quyết của tòa án hay cơ quan có đủ quyền hạn pháp lý, thì các điều khoản còn lại của hợp đồng vẫn giữ nguyên giá trị hiệu lực.

Hợp đồng này được lập thành tám (08) bản bằng ngôn ngữ tiếng Việt có giá trị như nhau và sẽ có hiệu lực từ ngày của hợp đồng cho đến khi hoàn thành dịch vụ. Bên A giữ sáu (06) bản, bên B giữ hai (02) bản.

Bản hợp đồng này sẽ có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi kết thúc hợp đồng hoặc khi có thỏa thuận hủy bỏ hợp đồng của cả hai Bên. Hợp đồng sẽ mặc nhiên thanh lý khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ của mình trong hợp đồng này.

Thay mặt và đại diện cho Bên A

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN ĐÈO NAI - VINACOMIN



PHẠM DUY THANH
Giám đốc

Thay mặt và đại diện cho Bên B

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO



Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc